

Số: 1069/QĐ-TCTHADS

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính cho các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương năm 2021

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2014/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 96/2019/QH14 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, công tác của Viện kiểm sát nhân dân, của Tòa án nhân dân và công tác thi hành án;

Căn cứ Nghị quyết số 124/2020/QH14 ngày 11/11/2020 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định số 61/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thi hành án dân sự trực thuộc Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 2558/QĐ-BTP ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành Chương trình công tác trọng tâm của Bộ Tư pháp trong lĩnh vực thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính năm 2021;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thống kê, Quản lý dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu, nhiệm vụ cho các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương năm 2021 như sau:

1. Ra quyết định thi hành án đúng quy định của pháp luật đối với 100% bản án, quyết định về dân sự đã có hiệu lực pháp luật.

2. Bảo đảm xác minh điều kiện thi hành án, phân loại chính xác, đúng pháp luật việc thi hành án dân sự có điều kiện thi hành và chưa có điều kiện thi hành; đăng tải kịp thời, đầy đủ, đúng quy định danh sách người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án và các thông tin liên quan đến lựa chọn tổ chức thẩm định giá, bán đấu giá tài sản lên Cổng/Trang thông tin điện tử Thi hành án

dân sự, Công thông tin điện tử bán đấu giá tài sản; đăng tải đầy đủ thông tin về Thi hành án hành chính theo quy định.

3. Phân đấu nâng cao chất lượng, đảm bảo tỷ lệ thi hành án dân sự xong trên 81,50% về việc và trên 40,10% về tiền trên tổng số có điều kiện thi hành.

4. Tiếp tục thi hành có hiệu quả các khoản thu hồi tiền, tài sản trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế, đặc biệt là các vụ việc thuộc diện Ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng trung ương theo dõi, đảm bảo tỷ lệ thu hồi tiền, tài sản bị chiếm đoạt đạt trên 60%. Kết quả thi hành án cho các tổ chức tín dụng ngân hàng, các khoản thu cho ngân sách nhà nước bảo đảm đạt tỷ lệ thi hành xong về việc, về tiền cao hơn năm 2020.

5. Tổ chức thực hiện theo dõi thi hành đối với 100% bản án, quyết định đã có quyết định buộc thi hành án hành chính của Tòa án.

6. Cơ bản khắc phục tình trạng vi phạm pháp luật trong hoạt động thi hành án dân sự, nhất là các vi phạm trong kê biên, thẩm định giá, bán đấu giá tài sản thi hành án; giảm đến mức thấp nhất các vụ việc liên quan đến trách nhiệm bồi thường nhà nước, bảo đảm tài chính và các vụ việc đấu giá thành nhưng chưa giao được tài sản. Tập trung giải quyết dứt điểm theo quy định các vụ việc bồi thường nhà nước, bảo đảm tài chính phát sinh trong hoạt động thi hành án dân sự.

7. Trả lời bảo đảm chất lượng, đúng trình tự, thủ tục 100% và đúng thời hạn ít nhất 95% số văn bản xin ý kiến chỉ đạo của Chấp hành viên, cơ quan Thi hành án dân sự cấp dưới.

8. Thực hiện tiếp công dân, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền đúng quy định của pháp luật; giải quyết xong ít nhất 97% số đơn thư khiếu nại, tố cáo; tích cực tham gia, phối hợp giải quyết cơ bản những vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng, kéo dài.

9. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thi hành án, bảo đảm công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, nêu cao tinh thần phục vụ người dân và doanh nghiệp. Đồng thời, triển khai việc khuyến khích thực hiện thu án phí vào ngân sách nhà nước không dùng tiền mặt trên toàn Hệ thống; tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ công chức thi hành án dân sự.

Điều 2. Phương pháp giao thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ

1. Trên cơ sở chỉ tiêu, nhiệm vụ do Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự giao, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự giao chỉ tiêu, nhiệm vụ cho Chi cục Thi hành án dân sự, Chấp hành viên thuộc Cục Thi hành án dân sự đảm bảo chính xác, công bằng, khả thi và không thấp hơn chỉ tiêu Tổng cục Thi hành án dân sự giao; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chi cục Thi hành án dân sự và Chấp hành viên thuộc Cục Thi hành án dân sự.

2. Căn cứ chỉ tiêu, nhiệm vụ do Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự giao, Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự giao chỉ tiêu, nhiệm vụ cho Chấp hành viên thuộc Chi cục đảm bảo chính xác, công bằng, khả thi và không thấp hơn chỉ tiêu Cục Thi hành án dân sự giao; hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện chỉ tiêu và đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chấp hành viên thuộc Chi cục Thi hành án dân sự.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Trung tâm Thống kê, Quản lý dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Tổng cục có trách nhiệm giúp Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính năm 2021 và đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ của Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chi cục Thi hành án dân sự trực thuộc và Chấp hành viên thuộc Cục Thi hành án dân sự.

3. Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chấp hành viên do Chi cục quản lý.

4. Kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao là một trong những căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, là cơ sở để đánh giá công chức, chi thu nhập tăng thêm theo quy định hiện hành và xét đề nghị xếp hạng, bình xét thi đua khen thưởng năm 2021 đối với các cơ quan Thi hành án dân sự, Chấp hành viên.

Điều 4. Giải pháp thực hiện

1. Về thể chế

1.1. Tiếp tục rà soát, hệ thống hóa văn bản pháp luật về thi hành án dân sự và các văn bản QPPL có liên quan nhằm phát hiện các quy định chồng chéo, mâu thuẫn hoặc không còn phù hợp với thực tiễn theo yêu cầu tại Kết luận số 84-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 (Kết luận số 84-KL/TW ngày 29/7/2020), cụ thể như: Luật Thi hành án dân sự năm 2014, Luật Thi hành án hình sự năm 2019;

Triển khai thực hiện Nghị định 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật THADS; Nghị định 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng,

nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ; Thông tư sửa đổi Thông tư số 03/2017/TT-BTP ngày 05/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành thi hành án dân sự sau khi có hiệu lực thi hành; Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định quy trình giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, đề nghị, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự sau khi có hiệu lực thi hành; Thông tư số 06/2019/TT-BTP ngày 21/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính.

1.2. Chủ động đề xuất tháo gỡ những vướng mắc của Luật Thi hành án dân sự, Luật Phá sản năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Quán triệt và chỉ đạo triển khai có hiệu quả Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Nghị định số 71/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ và Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 15/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chấp hành pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính, Luật Đấu giá tài sản năm 2016, Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/06/2017 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng, Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 19/07/2017 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14 và các văn bản pháp luật khác có liên quan đến công tác thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính; Nghị quyết số 31-NQ/BCSĐ ngày 05/4/2018 của Ban Cán sự đảng Bộ Tư pháp về lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính giai đoạn 2018-2021 và Nghị quyết chuyên đề của Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp về công tác thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành.

2. Về chỉ đạo, điều hành và phối hợp liên ngành

2.1. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành. Tăng cường trách nhiệm của lãnh đạo đơn vị, nhất là người đứng đầu; thường xuyên kiểm tra, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, kỷ luật nghiệp vụ. Tổ chức thực hiện nghiêm Quy chế làm việc, Quy chế dân chủ tại đơn vị và các quy trình xử lý công việc do Tổng cục Thi hành án dân sự ban hành.

2.2. Có biện pháp chỉ đạo quyết liệt việc thi hành án dân sự ngay từ đầu năm công tác 2021; định kỳ hàng tháng đánh giá việc thực hiện chỉ tiêu thi hành án xong về việc và về tiền, từ đó chỉ đạo thi hành án phần đầu tỷ lệ thi hành xong đạt cao hơn năm 2020.

2.3. Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, chủ động hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ theo hướng sâu sát, cụ thể và xác định rõ trách nhiệm, thời gian hoàn thành; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra; phối hợp thanh tra, kiểm sát, giám sát công tác thi hành án dân sự; xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm về trình tự, thủ tục thi hành án dân sự hoặc không đăng

tải đầy đủ thông tin người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án trên Cổng/Trang thông tin điện tử Thi hành án dân sự.

2.4. Giám sát chặt chẽ việc thẩm định giá, bán đấu giá tài sản kê biên theo thẩm quyền. Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự chỉ đạo lựa chọn danh sách những tổ chức thẩm định giá, đấu giá tài sản có năng lực, uy tín tham gia quá trình xử lý tài sản kê biên. Đối với các vụ việc đấu giá thành nhưng chưa giao được tài sản, hàng quý các Cục Thi hành án dân sự phải báo cáo Tổng cục Thi hành án dân sự về nguyên nhân, thời gian kéo dài và biện pháp, kế hoạch xử lý dứt điểm vụ việc.

2.5. Các Cục, Chi cục Thi hành án dân sự phải ban hành Kế hoạch tự kiểm tra, kiểm tra hàng năm bảo đảm mỗi năm 100% Cục, Chi cục thực hiện việc tự kiểm tra; Cục Thi hành án dân sự kiểm tra ít nhất 1/2 số đơn vị trên địa bàn, trong đó có ít nhất 1/3 số đơn vị phải được kiểm tra toàn diện; tăng cường kiểm tra đột xuất công tác thụ lý, xác minh và phân loại án đối với các Chi cục và Chấp hành viên.

2.6. Thực hiện nghiêm túc chế độ Thủ trưởng cơ quan đơn vị trực tiếp tiếp công dân định kỳ; chú trọng giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo thông qua công tác tiếp công dân.

Cục, Chi cục Thi hành án dân sự phải tập trung giải quyết các khiếu nại, tố cáo với tinh thần trách nhiệm cao, đúng pháp luật, tăng cường đối thoại trực tiếp, hướng dẫn, giải thích cho công dân thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, hạn chế phát sinh những vụ khiếu nại, tố cáo vượt cấp, phức tạp, kéo dài. Chủ động, tích cực đề xuất tham mưu cho cấp ủy và chính quyền địa phương, Ban chỉ đạo Thi hành án dân sự tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm số việc thi hành án dân sự trọng điểm, phức tạp, kéo dài trên địa bàn.

2.7. Tiếp tục phát huy công tác phối hợp liên ngành; tranh thủ sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, Ban chỉ đạo Thi hành án dân sự các cấp và sự phối hợp của các ngành Công an, Kiểm sát, Tòa án và các cơ quan liên quan khác trong tổ chức thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án dân sự trên địa bàn.

2.8. Kịp thời đề xuất cấp ủy, chính quyền địa phương lãnh đạo việc quán triệt, triển khai nghiêm túc các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng tại các cơ quan Thi hành án dân sự cũng như trong hoạt động thi hành án dân sự trên địa bàn; công tác giáo dục chính trị tư tưởng, xây dựng và củng cố tổ chức cơ sở Đảng tại các cơ quan Thi hành án dân sự; kiểm tra, giám sát hoạt động của các công chức, Đảng viên tại các cơ quan Thi hành án dân sự; hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các cơ quan Thi hành án dân sự.

3. Kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ công chức thi hành án dân sự

Tiếp tục thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và xây dựng đội ngũ Chấp hành viên, công chức làm công tác thi

hành án dân sự thực sự liêm chính, công tâm, chuyên nghiệp... theo yêu cầu tại Kết luận số 84-KL/TW ngày 29/7/2020. Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền địa phương trong công tác đánh giá, quy hoạch, luân chuyển và bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo. Thực hiện công khai, minh bạch, dân chủ trong công tác tuyển dụng, nâng ngạch, chuyển ngạch công chức thi hành án dân sự, bảo đảm cơ cấu cân đối, phù hợp; xây dựng đội ngũ công chức thi hành án dân sự trong sạch, vững mạnh. Tăng cường biệt phái Chấp hành viên và các công chức làm công tác thi hành án dân sự, bảo đảm tăng cường cho nơi thiếu, ưu tiên các nguồn lực cho các địa bàn trọng điểm nhưng không tăng biên chế.

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kết hợp giữa "xây và chống" trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, vi phạm trong hoạt động thi hành án dân sự. Xác định rõ và đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong các cơ quan Thi hành án dân sự, nhất là vai trò quản lý, giáo dục, kiểm tra, giám sát, ngăn ngừa, phát hiện tiêu cực, sai phạm của công chức trong cơ quan, đơn vị mình quản lý; thực hiện trách nhiệm nêu gương của lãnh đạo các cơ quan Thi hành án dân sự, gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương IV khóa XII, các Quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương và Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Đổi mới quy trình, xem xét, đánh giá (đạo đức, chuyên môn, nghiệp vụ, hiệu quả công việc...) trước khi bổ nhiệm lại các chức danh quản lý trong cơ quan Thi hành án dân sự.

Quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc trong toàn Hệ thống Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường, xây dựng chính đồn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ và Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 08/02/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Nghị định 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ.

4. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn Hệ thống, duy trì, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của Cổng/Trang thông tin điện tử Thi hành án dân sự. Thực hiện nề nếp, hiệu quả cơ chế một cửa; tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích. Nâng cao hiệu quả hỗ trợ trực tuyến thi hành án, tiến tới cung cấp dịch vụ trực tuyến mức độ 3 đối với một số thủ tục hành chính.

Nghiên cứu xây dựng, phát triển các phần mềm, chương trình ứng dụng, trong đó tập trung nâng cấp và vận hành hiệu quả Phần mềm quản lý quá trình thụ lý, tổ chức thi hành án và báo cáo thống kê thi hành án dân sự, Phần mềm cơ sở dữ liệu điện tử người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án, Phần mềm tổ chức cán bộ; Phần mềm hỗ trợ trực tuyến thi hành án dân sự. Tiếp tục phối hợp phát triển hệ thống truyền hình trực tuyến đa phương tiện đến cấp Chi cục. Thực hiện nghiêm chế độ sử dụng văn bản điện tử và chữ ký số. Tăng cường hình thức giao ban trực tuyến, sử dụng tin nhắn SMS, bảo đảm kịp thời, sâu sát, quyết liệt, toàn diện trong công tác chỉ đạo, điều hành các nhiệm vụ, chỉ tiêu về thi hành án dân sự.

5. Bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện làm việc

Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát tình hình chấp hành quy định của pháp luật trong quản lý tài chính, tài sản, kế toán và đầu tư xây dựng cơ bản. Tập trung kiểm tra công tác kế toán nghiệp vụ thi hành án dân sự và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm trong hoạt động này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Giám đốc Trung tâm Thống kê, Quản lý dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Bộ (để phối hợp);
- Cục KHTC - Bộ Tư pháp (để phối hợp);
- Vụ TCCB - Bộ Tư pháp (để phối hợp);
- Thanh tra Bộ (để phối hợp);
- Vụ Thi đua - Khen thưởng (để phối hợp);
- Cục Công tác phía Nam (để phối hợp);
- Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng (để phối hợp);
- Công Thông tin điện tử Thi hành án dân sự (để đăng tải);
- Lưu: VT, TrT.

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Quang Thái

Phụ lục 1

BẢNG GIAO CHỈ TIÊU THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VỀ VIỆC NĂM 2021
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1069/QĐ-TCTHADS ngày 23 tháng 12 năm 2020
của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự)

TT	Đơn vị	Tỷ lệ thi hành xong/số có điều kiện thi hành
1	An Giang	81,5%
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	81,5%
3	Bắc Giang	81,5%
4	Bắc Kạn	83,5%
5	Bạc Liêu	81,5%
6	Bắc Ninh	82%
7	Bến Tre	81,5%
8	Bình Định	82,5%
9	Bình Dương	81,5%
10	Bình Phước	81,5%
11	Bình Thuận	81,5%
12	Cà Mau	81,5%
13	Cần Thơ	81,5%
14	Cao Bằng	83,5%
15	Đà Nẵng	81,5%
16	Đắk Lắk	81,5%
17	Đắk Nông	81,5%
18	Điện Biên	83%
19	Đồng Nai	81,5%
20	Đồng Tháp	81,5%
21	Gia Lai	81,5%
22	Hà Giang	83,5%
23	Hà Nam	83,5%
24	Hà Nội	81,5%
25	Hà Tĩnh	83,5%
26	Hải Dương	82,5%
27	Hải Phòng	82,5%
28	Hậu Giang	81,5%
29	Hồ Chí Minh	81,5%
30	Hoà Bình	83%
31	Hung Yên	83%
33	Kiên Giang	81,5%

fan

TT	Đơn vị	Tỷ lệ thi hành xong/số có điều kiện thi hành
34	Kon Tum	83,5%
35	Lai Châu	83,5%
36	Lâm Đồng	82%
37	Lạng Sơn	83%
38	Lào Cai	83%
39	Long An	81,5%
40	Nam Định	83%
41	Nghệ An	81,5%
42	Ninh Bình	82,5%
43	Ninh Thuận	82%
44	Phú Thọ	82,5%
45	Phú Yên	82%
46	Quảng Bình	83,5%
47	Quảng Nam	82,5%
48	Quảng Ngãi	83%
49	Quảng Ninh	83%
50	Quảng Trị	83,5%
51	Sóc Trăng	81,5%
52	Son La	82,5%
53	Tây Ninh	81,5%
54	Thái Bình	82,5%
55	Thái Nguyên	82%
56	Thanh Hoá	82,5%
57	Thừa Thiên - Huế	82,5%
58	Tiền Giang	81,5%
59	Trà Vinh	81,5%
60	Tuyên Quang	83%
61	Vĩnh Long	81,5%
62	Vĩnh Phúc	82,5%
63	Yên Bái	83%

Phụ lục 2

BẢNG GIAO CHỈ TIÊU THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VỀ TIỀN NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1069/QĐ-TCTHADS ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự)

TT	Đơn vị	Tỷ lệ thi hành xong/số có điều kiện thi hành
1	An Giang	40,1%
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	40,1%
3	Bắc Giang	40,1%
4	Bắc Kạn	41,6%
5	Bạc Liêu	40,1%
6	Bắc Ninh	40,1%
7	Bến Tre	40,1%
8	Bình Định	40,1%
9	Bình Dương	40,1%
10	Bình Phước	40,1%
11	Bình Thuận	40,1%
12	Cà Mau	40,1%
13	Cần Thơ	40,1%
14	Cao Bằng	41,6%
15	Đà Nẵng	40,1%
16	Đắk Lắk	40,1%
17	Đắk Nông	40,1%
18	Điện Biên	41,1%
19	Đồng Nai	40,1%
20	Đồng Tháp	40,1%
21	Gia Lai	40,1%
22	Hà Giang	40,1%
23	Hà Nam	40,1%
24	Hà Nội	40,1%
25	Hà Tĩnh	40,6%
26	Hải Dương	40,1%
27	Hải Phòng	40,1%
28	Hậu Giang	40,1%
29	Hồ Chí Minh	40,1%
30	Hoà Bình	40,1%
31	Hưng Yên	40,1%
32	Khánh Hoà	40,1%

TT	Đơn vị	Tỷ lệ thi hành xong/số có điều kiện thi hành
33	Kiên Giang	40,1%
34	Kon Tum	40,6%
35	Lai Châu	42,1%
36	Lâm Đồng	40,1%
37	Lạng Sơn	41,1%
38	Lào Cai	40,6%
39	Long An	40,1%
40	Nam Định	40,1%
41	Nghệ An	40,1%
42	Ninh Bình	40,1%
43	Ninh Thuận	40,6%
44	Phú Thọ	40,1%
45	Phú Yên	40,1%
46	Quảng Bình	40,1%
47	Quảng Nam	40,1%
48	Quảng Ngãi	40,1%
49	Quảng Ninh	40,1%
50	Quảng Trị	41,1%
51	Sóc Trăng	40,1%
52	Son La	41,1%
53	Tây Ninh	40,1%
54	Thái Bình	40,1%
55	Thái Nguyên	40,1%
56	Thanh Hóa	40,1%
57	Thừa Thiên - Huế	40,1%
58	Tiền Giang	40,1%
59	Trà Vinh	40,1%
60	Tuyên Quang	41,1%
61	Vĩnh Long	40,1%
62	Vĩnh Phúc	40,6%
63	Yên Bái	41,1%

jam